

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Tài liệu Hỗ trợ Gia đình

Tổng kết về phép cộng và phép trừ trong phạm vi 1.000

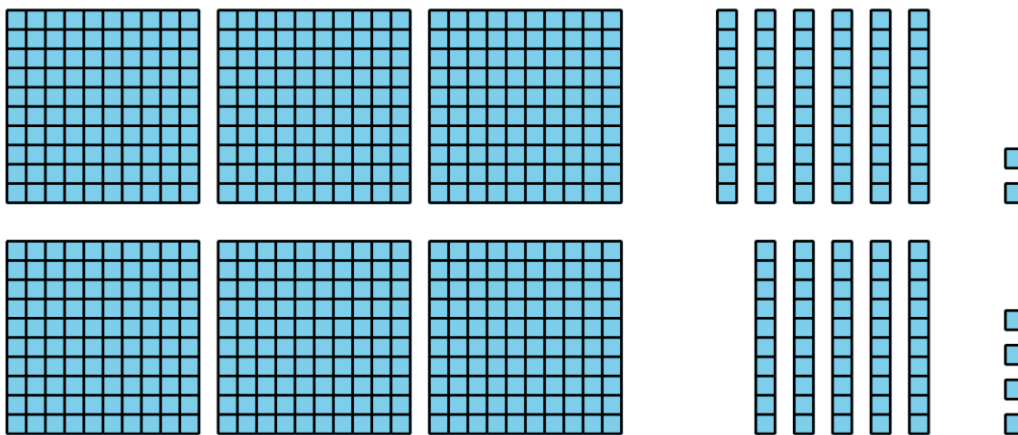
Trong bài học này, học sinh sử dụng sự hiểu biết về giá trị theo hàng để làm tròn số nguyên và cộng và trừ trong phạm vi 1.000. Các em cũng giải các bài toán gồm hai bước.

Phần A: Cộng trong phạm vi 1.000

Trong phần này, học sinh ôn lại các số trong phạm vi 1.000 và xem xét các cách tách (chia nhỏ) các số dựa trên giá trị theo hàng (hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị). Để cộng và trừ các số trong phạm vi 1.000, học sinh bắt đầu bằng cách sử dụng các sơ đồ và chiến lược đã học ở lớp 2. Sau đó, học sinh sẽ hiểu các thuật toán (các bước luôn hữu ích, bất kể số lượng liên quan) giúp việc thực hiện phép cộng hiệu quả hơn.

Ví dụ: đây là ba cách để tìm giá trị của $362 + 354$:

sử dụng các khối hoặc sơ đồ mười đơn vị



sử dụng dạng khai triển

$$\begin{array}{r}
 300 + 60 + 2 \\
 + 300 + 50 + 4 \\
 \hline
 600 + 110 + 6
 \end{array}$$

ghi tổng một phần theo chiều dọc

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

$$\begin{array}{r} 362 \\ + 354 \\ \hline 716 \end{array}$$

Không cần sử dụng thuật toán chuẩn để cộng cho đến lớp 4. Những học sinh đã biết thuật toán tiêu chuẩn vẫn cần hiểu rõ vai trò của giá trị theo hàng trong phép toán để hỗ trợ việc làm bài về số thập phân và phân số ở các lớp sau này.

Phần B: Trừ trong phạm vi 1.000

Trong phần này, học sinh phân tích và sử dụng các phép toán trừ, đồng thời tiếp tục sử dụng các khối và sơ đồ mười đơn vị để suy nghĩ về phép trừ. Học sinh nhận thấy rằng rất khó sử dụng các hình vẽ để thể hiện cách tách một trăm hoặc nhóm lại thành hàng chục (hoặc một chục thành đơn vị) và phép toán rất hữu ích.

Học sinh hiểu được phép toán trừ sử dụng dạng khai triển để cho thấy các số được nhóm lại như thế nào. Ký hiệu không thông thường này giúp học sinh thấy được ý nghĩa đằng sau các chữ số phía trên các số trong thuật toán chuẩn.

phép trừ sử dụng dạng khai triển

$$\begin{array}{r} 400 \quad 120 \\ 500 + 20 + 8 \\ - 200 + 70 + 1 \\ \hline \end{array}$$

thuật toán trừ chuẩn

$$\begin{array}{r} 4 \quad 12 \\ 5 \quad 2 \quad 8 \\ - 2 \quad 7 \quad 1 \\ \hline \end{array}$$

Cũng như phép cộng, không yêu cầu sử dụng phép toán chuẩn cho phép trừ cho đến lớp 4. Nhiệm vụ ở đây tập trung vào việc hiểu ý nghĩa của việc nhóm lại đôi khi cần thiết khi chúng ta trừ.

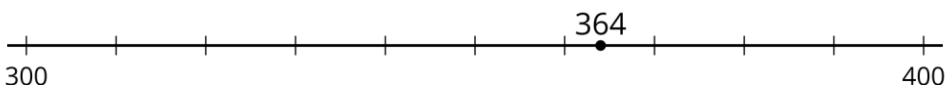
TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Phần C: Làm tròn trong phạm vi 1.000

Trong phần này, học sinh học cách làm tròn số nguyên đến hàng chục hoặc hàng trăm gần nhất, sử dụng sơ đồ dãy số để lập luận. Ví dụ: các có thể thấy rằng đối với 364, số tròn chục (hoặc bội số của 10) gần nhất là 360 và số tròn trăm (hoặc bội số của 100) gần nhất là 400.



Phần D: Giải bài toán theo hai bước

Trong phần này, học sinh áp dụng phép tính cộng, trừ và nhân để giải các bài toán yêu cầu hai bước, chẳng hạn như:

Mai có 104 hạt. Bạn ấy đã mua hai gói hạt và bây giờ bạn ấy có 124 hạt. Có bao nhiêu hạt trong mỗi gói?

Thực hành tại nhà!

Gần cuối bài học, hãy yêu cầu học sinh tìm đáp án cho các bài toán sau bằng cách sử dụng phép toán mà các em chọn:

- $293 + 592$
- $728 - 384$

Các câu hỏi có thể hữu ích khi học sinh làm toán:

- Con có thể giải thích các bước trong phép toán của mình không?
- Câu trả lời của con có nghĩa không? Làm sao con biết?
- Con có thể làm tròn câu trả lời của mình lên số tròn chục gần nhất không? 100?



Bản quyền © CC BY 2021 của Illustrative Mathematics®